

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 5, điều 212 và Điều 213, khoản 3 điều 144 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ các Điều 609 và Điều 620 của Bộ luật dân sự 2015.

- Căn cứ vào điểm a mục 1.3, khoản 1 phần II Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao ; Biên bản thẩm định ngày 22/10/2019; Biên bản làm việc ngày 09/12/2019 giữa TAND huyện H và UBND xã T về xác định nguồn gốc và thực trạng sử dụng đất;

- Căn cứ khoản 1 Điều 25 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10/12/2019 và đơn yêu cầu Tòa án ghi nhận sự tự thỏa thuận ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 62/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2019 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H1 - Sinh năm 1989.

Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện H, Thanh Hóa.

Bị đơn: Bà Trương Thị M - 1963.

Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện H, Thanh Hóa.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Bùi Thị H2 - Sinh năm: 1986

Trú tại: Xóm 7, xã T, huyện V, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H là anh Bùi Trí T1 theo Giấy ủy quyền được Văn phòng công chứng TH G chứng thực số 110, quyền số 01/SCT/CT, ĐC ngày 01/10/2019.

- Anh Bùi Trí T1 - Sinh năm: 1991

Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện H, Thanh Hóa.

2- Sự thỏa thuận của các đ- ơng sự cụ thể nh- sau:

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận theo đơn yêu cầu của chị Bùi Thị H1, chị Bùi Thị H2, anh Bùi Trí T và bà Trương Thị M (theo đơn yêu cầu Tòa án ghi nhận sự tự thỏa thuận ngày 09 tháng 12 năm 2019) như sau:

2.1- Di sản thừa kế của ông Bùi Trí T2 (Bùi Thế Tuyên) để lại bao gồm: 1/2 diện tích đất, tài sản gắn liền với đất trong khối tài sản chung vợ chồng giữa ông Bùi Trí T2 và bà Trương Thị M, đất có diện tích 1928m² (thửa 129, tờ bản đồ số 06, bản đồ địa chính 364 xã T - tương ứng với thửa đất số 102, tờ bản đồ số 28, bản đồ địa chính xã T đo vẽ năm 2015). Tài sản trên đất gồm căn nhà cấp 4 xây dựng năm 1986, vườn cây phi lao trồng năm 1986 trên toàn bộ diện tích đất 1928m².

Địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Đúng tên chủ sử dụng: ông Bùi Trí T2.

Có kích thước và tứ cận như sau:

- Phía Bắc dài 66,64m giáp ngõ đi chung;
- Phía Nam dài 61,18m giáp ngõ đi chung;
- Phía Tây dài 19,42m giáp ngõ đi chung;
- Phía Đông dài 32,64m giáp thửa 165, tờ bản đồ 28 loại đất rừng trồng do UBND xã quản lý.

2.2- Hàng thừa kế thứ nhất của ông Bùi Trí T2 (Bùi Thế T) bao gồm: Bà Trương Thị M, chị Bùi Thị H1, chị Bùi Thị H2 và anh Bùi Trí T1.

Chị Bùi Thị H1, chị Bùi Thị H2, anh Bùi Trí T1 tự nguyện nhường toàn bộ kỹ phần thừa kế của mình được hưởng từ ông Bùi Trí T2 cho bà Trương Thị M được quyền sở hữu và không yêu cầu bà Trương Thị M phải có bất kỳ nghĩa vụ gì.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận nhường quyền hưởng di sản thừa kế trên giữa chị Bùi Thị H1, Bùi Thị H2 và anh Bùi Trí T1 đối với bà Trương Thị M. Công nhận khối tài sản bà M được hưởng sau khi nhận kỹ phần thừa kế của chị Bùi Thị

H1, Bùi Thị H2 và anh Bùi Trí T1 là diện tích đất 1928m² và toàn bộ tài sản trên đất, thông tin cụ thể như sau:

Đất: Diện tích 1928m², số thửa 129, tờ bản đồ số 06, bản đồ địa chính 364 xã T (tương ứng với thửa đất số 102, tờ bản đồ số 28, bản đồ địa chính xã T đo vẽ năm 2015); Tài sản trên đất gồm: Căn nhà cấp 4 xây dựng năm 1986, vườn cây phi lao trồng năm 1986 trên toàn bộ diện tích đất 1928m². Địa chỉ: Thôn Đ1, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bà Trương Thị M có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên đất đối với khối tài sản có thông tin trên theo quy định pháp luật.

Thuế, phí và những chi phí phát sinh trong quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Trương Thị M tự chịu trách nhiệm chi trả.

- Về án phí: Bà Trương Thị M không phải chịu án phí. Trả lại cho bà toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000đ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0005806 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng-ời đ-ợc thi hành án dân sự, ng-ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc c-õng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án đ-ợc quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện H;
- Thi hành án DS huyện H;
- UBND xã T;
- Các đ-ơng sự;
- L- u hồ sơ.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HOÁ

Thẩm phán

Đã ký

Lê Thị Ph- ơng Thanh